TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2024.
V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu tính công sức đóng góp trong khối tài sản chung của hộ gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Châu Minh Tiếp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tua
2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về "Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và tính công sức đóng góp trong khối tài sản chung của hộ gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1976

Cư trú: Ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị L, có bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1955; Cư trú: ấp 8, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Trần Văn Đ. Văn phòng Luật sư Trần Độ - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Võ Hồng Ph, sinh năm: 1975

Cư trú: Ấp 7, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn H, sinh năm: 1951; Cư trú: ấp 7, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1954; Cư trú: ấp 7, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Nh có ông Võ Hồng Ph (đồng thời cũng là bị đơn trong vụ kiện) (Văn bản ủy quyền ngày 18/08/2022 và 28/8/2023) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C (gọi tắt là bà C) trình bày:

Bà L yêu cầu bị đơn ông Ph, cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà Nh chia công sức đóng góp trong khối tài sản chung là ¼ giá trị căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất ông H (căn nhà này hiện tọa lạc tại ấp 7, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang do ông H, bà Nh đang quản lý sử dụng) và ¼ giá trị phần đất ruộng diện tích 17.464m^2 tờ bản đồ số 18 thửa đất số 376 tọa lạc tại ấp Hòa Mỹ, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do ông Ph đang canh tác). Với lý do trong quá trình bà L về làm dâu năm 1995 thì bà L là lao động chính trong gia đình, một thời gian sau thì mới xây dựng căn nhà vào năm 1998, nên bà L có công sức đóng góp vào giá trị căn nhà. Đến năm 2001 – 2002 thì ông H, ông Ph nhận chuyển nhượng thêm phần đất diện tích 17.464m^2 tờ bản đồ số 18 thửa đất số 376 tọa lạc tại ấp Hòa Mỹ, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang của bà Tuyết H có chính quyền địa phương xác nhận (phần đất này ông Phúc đứng tên vào năm 2015). Ngoài ra bà L yêu cầu ông Ph chia đôi số vàng 10 chỉ vảng 24k loại 98%, theo đó yêu cầu ông Ph chia cho bà Lâu 05 chỉ vàng theo quy định vì đây là vàng cưới chung của 02 vợ chồng, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Hồng Ph đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn H, Nguyễn Thị Nh trình bày:

Đối với yêu cầu thứ nhất nguyên đơn yêu cầu chia ¼ giá trị căn nhà ông Ph không đồng ý. Bởi vì ông Ph với bà L kết hôn năm 1995, đến năm 1996 vợ chồng

Ph và L tách khẩu ra riêng (nhưng vẫn ở chung gia đình), đến năm 2003 mới làm giấy kết hôn. Vào năm 1997 thì vợ chồng ông Ph, bà L sanh đứa con đầu lòng, đến năm 1998 ông H, bà Nh mới xây dựng căn nhà. Trong khoảng thời gian này bà L không có đóng góp công sức, tiền bạc gì vào xây dựng căn nhà. Số tiền xây dựng nhà là do ông H, bà Nh tích lũy mới có xây dựng căn nhà, với lý do trên nên ông Ph, ông H và bà Nh không đồng ý chia công sức đóng góp.

Đối với yêu cầu thứ hai nguyên đơn yêu cầu chia 1/4 giá trị phần đất ruộng ở xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với phần đất này ông Ph có ý kiến như sau: Ông Ph với bà L là vợ chồng nhưng ly thân vào năm 2005, đến năm 2010 thì được Tòa án giải quyết cho ly hôn đến nay, thửa đất này ông Ph mua vào khoảng năm 2013, nhưng đến năm 2015 mới đi làm giấy, ông Ph nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị Mỹ Th chứ không phải bà Tuyết H như nguyên đơn trình bày, nhưng giấy do bà Tuyết H vẫn còn đứng tên nên khi làm thủ tục sang tên có bà Tuyết H ký tên việc sang bán để hợp thức hóa hồ sơ. Ông Ph đứng ra nhận chuyển nhượng đất nhưng tiền do đứa em gái tên Võ Thị Qu, sinh năm 1984; hiện tại đang sống ở Hàn Quốc đã nhập quốc tịch gửi tiền về mua, nhưng cho ông Ph đứng tên, quyền sở hữu và định đoạt phần đất này thuộc về quyền của em ông Ph. Không có chuyện ông Ph, ông H nhận chuyển nhượng đất từ bà Tuyết H vào năm 2001 như nguyên đơn trình bày.

Đối với 10 chỉ vàng thì ông Ph thống nhất chia lại cho bà L 05 chỉ vàng 24k như lời hứa từ trước đến nay, vẫn không thay đổi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Nh: Thống nhất với lời trình bày của ông Võ Hồng Ph, không đồng ý chia công sức đóng góp cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào các đơn xin xác nhận để xem xét tính ¼ công sức đóng góp của bà L vào khối tài sản chung của hộ gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn chia cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k, quy đổi ra giá trị thành tiền theo thỏa thuận 01 chỉ có giá là 7.700.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính 10% giá trị công sức đóng góp căn nhà, không chấp nhận ¼ giá trị công sức đóng góp đất ruộng, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về số vàng. Về án phí, chí phí tố tụng khác đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà L và ông Ph có quan hệ hôn nhân hợp pháp và hôn nhân của bà L, ông Ph được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bà L yêu cầu ông Ph chia số vàng là tài sản chung của vợ chồng và tính công sức đóng góp được tạo lập trong khối tài sản chung của hộ gia đình, do bà L về làm dâu thì ông H mới xây dựng căn nhà, mua thêm đất ruộng. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong trường hợp này là *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu tính công sức đóng góp trong khối tài sản chung của hộ gia đình"* theo quy định của pháp luật.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và công sức đóng góp trong gia đình, thuộc loại án hôn nhân và gia đình, bị đơn ở địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.3]. *Về quyền định đoạt của đương sự:* Tại phiên tòa bên nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu chia ½ giá trị quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa thay đổi yêu cầu tính chia ¼ giá trị công sức đóng góp là không vượt quá yêu cầu, không làm phát sinh thêm người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4]. *Về xác định tư cách đương sự*: Qua thể hiện trong hồ sơ vụ kiện bị đơn có đề cặp đến số tiền mua đất là do em gái tên Qu (đang sinh sống ở nước ngoài) gửi tiền về mua đứng tên dùm, có lời khai của bà Qu nhưng không có gì xác nhận pháp lý của tờ tự khai là hợp pháp và không có chứng cứ nào khác, nên lời trình bày của đương sự không đáng tin cậy. Ngoài ra trong suốt quá trình giải quyết vụ án trước đây không có đương sự nào đề cặp đến nội dung này (ở cấp sơ thẩm lần đầu, phúc thẩm, giám đốc thẩm và sơ thẩm lại không ai đề cặp gì đến) nhưng đến sơ thẩm lần này mới phát sinh. Nếu giả sử em gái của ông Ph gửi tiền về mua đất là thật thì sau này giữa ông Ph với bà Qu sẽ tự giải quyết với nhau về một tranh chấp khác. Nên trong vụ án này không đưa Qu vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra đương sự có yêu cầu tính công sức đóng góp tài sản trong hộ gia đình, thời điểm đó hộ ông Hinh có 05 thành viên

(trong đó có bà Qu), nhưng nội dung này Tòa án xem xét đánh giá có công sức hay không có công sức đóng góp và công sức đóng góp là bao nhiêu, chứ không xem xét phân chia tài sản chung trong hộ gia đình, nên không đưa những thành viên của hộ ông H vào tham gia tố tụng (trong đó có bà Qu) khi giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, nên không đưa vào tham gia tố tụng ảnh hưởng đến thời gian, thẩm quyền giải quyết vụ án khi không cần thiết.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1]. Đối với yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, nội dung này nguyên đơn, bị đơn thống nhất, theo đó bị đơn đồng ý giao trả lại cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24. Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất thỏa thuận quy đổi vàng thành tiền làm phương tiện thanh toán (theo thỏa thuận 01 chỉ vàng 24k tại thời điểm giải quyết là 7.700.000 đồng, tương đương 05 chỉ vàng 24k số tiền 38.500.000 đồng) nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[2.2]. Đối với yêu cầu xác định công sức đóng góp ¼ giá trị căn nhà. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi cưới bà L về làm dâu thì bà L sống cùng với gia đình bên chồng từ năm 1995 đến năm 1998 ông H, bà Nh mới xây dựng căn nhà. Nguồn tiền xây dựng nhà là do ông H, bà Nh tích lũy trong khoảng thời gian khá dài mới có tiền xây dựng. Bà L về làm dâu không bao lâu, tuy công sức đóng góp không nhiều nhưng ít nhiều cũng có một phần công sức đóng góp không thể phủ nhận. Bởi vì lao động của vợ chồng trong gia đình được coi là lao động có thu nhập. Nên Tòa án xem xét chấp nhận cho bà Lâu 10% công sức đóng góp là hợp tình thỏa đáng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án cũng phù hợp với các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59, khoản 1 Điều 61 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa được làm rõ và đương sự thừa nhận vào thời điểm xây dựng căn nhà khi còn bà L chỉ có căn nhà chính, sau này mới phát sinh thêm các công trình phụ (khi đó bà L đã ly hôn, không còn sống chung trong căn nhà) Theo kết quả chứng thư thẩm định giá phần giá trị căn nhà chính có giá 421.000.000 đồng (làm tròn) tương đương số tiền 42.000.000 đồng. Hiện tại căn nhà do ông H, bà Nh đang quản lý nên buộc người liên quan ông H, bà Nh có trách nhiệm trả cho nguyên đơn giá trị số tiền trên.

[2.3]. Đối với yêu cầu chia 1/4 giá trị công sức đóng góp mua quyền sử dụng đất bên xã Hòa Hưng, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đơn xin xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 12/10/2018 có nội dung *"...Lê Thị L và ông Võ Hồng Ph nhận quyền chuyển nhượng đất thuộc thửa 309a, diện tích 17.464m^2 đất tọa lạc tại ấp Hòa Mỹ, xã Hòa Hưng. Thời điểm nhận chuyển nhượng vào năm 2001. Nguồn gốc đất trước đây là của ông Châu Văn T, sau đó ông T tách thửa 309a, diện tích 17.464m^2 và chuyển nhượng cho bà Phan Thị Tuyết H, sau đó bà Tuyết H chuyển nhượng lại cho Ph và L..."* và tờ xác nhận ngày 04/10/2009 từ các nội dung xác nhận này nguyên đơn cho rằng phần đất nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân.

Để làm rõ các nội dung này Tòa án tiến hành xác minh làm rõ theo yêu cầu của bị đơn, thì ông Trần Văn T phó trưởng ấp xác nhận năm 2009 cung cấp *"...Tôi ký xác nhận các chữ ký trong tờ xác nhận, những người này không có ký tên trước mặt tôi, còn nội dung ghi trong tờ xác nhận thì không nhớ. Do nhà tôi cách xa nhà*

bà L, ông Ph, ông H nên việc bà L có đóng góp công sức để tạo lập tài sản hay không thi tôi không rõ…".

Qua xác minh ông Trần Văn H địa chính xã Hòa Hưng là người ký xác nhận cung cấp lại thông tin như sau *"...Trước đây vào năm 2018 tôi có xác nhận vào đơn do ông Lê Văn C cung cấp, tôi chỉ xác nhận là nguồn gốc đất do ông Ph đứng tên nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị Tuyết H, chứ tôi không có xác nhận nội dung năm nhận chuyển nhượng và tôi cũng không có xác định được năm chuyển nhượng cụ thể là năm nào...*" Đối với nội dung xác nhận ngày 22/8/2022 *"...đương sự nào mang đến tôi không nhớ nhưng tôi có xác nhận chuyển nhượng giữa bà Tuyết H và ông Ph vào năm 2015 đổi lại thành thửa 376, tờ bản đồ số 18 là căn cứ vào hồ sơ cấp giấy lưu tại địa chính, còn việc đương sự nhận chuyển nhượng như thế nào thì tôi không biết".*

Tòa án tiến hành xác minh chủ đất gốc là bà Phan Thị Tuyết H và ông Lê Văn G (chồng bà Tuyết H) nội dung *"Phần đất tôi nhận chuyển nhượng của ông Châu Văn T nhưng không nhớ năm nào sau đó sang lại cho bà Võ Thị Mỹ Th vào khoảng năm 2001 – 2002, còn việc bà Thuận sang lại cho ông Phúc năm nào không biết. Nhưng vào năm 2015 tôi có ký hợp đồng chuyển nhượng với ông Phúc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

Xác minh bà Võ Thị Mỹ Th cung cấp *"...sau khi sang của bà Tuyết H, ông Gạch vào năm 2001 – 2002 thì tôi có làm khoảng 10 năm mới sang lại cho ông Ph hay ông H gì đó, tôi nhớ lúc đó ông Phúc đã ly hôn vợ rồi…".*

Tòa án đánh giá chứng cứ xét thấy: Đối với tờ xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Hòa Hưng trong cùng một tờ giấy A4, cùng một nội dung do đương sự đánh máy sẵn, nhưng 02 lần xác nhận của địa chính vào 02 thời điểm khác nhau trong cùng một tờ giấy, lại có sự khác nhau. Kết quả xác minh của Tòa án đối với ông H, ông H xác nhận lại không thể biết được năm chuyển nhượng giữa các đương sự. Do đó nội dung đánh máy sẵn của đương sự cung cấp về thời điểm chuyển nhượng, đối tượng trực tiếp tham gia vào giao dịch chuyển nhượng lại không chính xác, cũng như tờ xác nhận năm 2009 là không đúng sự thật khách quan của vụ kiện. Căn cứ vào tờ chuyển nhượng đất giữa ông G, bà H với bà Th chuyển nhượng vào ngày 27/8/2002 có chính quyền địa phương xác nhận *(đây là chứng cứ quan trọng nhất)*. Tức là lời trình bày của ông G, bà H và bà Th là đúng khách quan. Phù hợp với lời trình bày của ông Ph nhận chuyển nhượng của bà Th vào năm 2013 đến năm 2015 được cấp giấy, chứ không như nguyên đơn trình bày là nhận chuyển nhượng của bà Tuyết H vào năm 2001 là không đúng.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chứng minh là vào năm 2002 nguồn góc đất là của bà Tuyết H chuyển nhượng cho bà Th, sau đó bà Th canh tác sử dụng khoảng 10 năm mới sang lại cho ông Ph là khoảng năm 2012 – 2013. Sau đó đến năm 2015 ông Ph mới nhờ bà Tuyết H ký tên chuyển nhượng để hợp thức hóa hồ sơ cho đúng thủ tục (do đất bà Tuyết H đứng tên) chứ không có việc chuyển nhượng giữa ông Ph, bà L với bà Tuyết H như trong nội dung xác nhận do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ để yêu cầu kháng nghị giám đốc thẩm và làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Do ông Ph và L ly thân năm 2005 và sau đó ly hôn năm 2010, đất nhận chuyển nhượng vào khoảng năm 2012-2013 nên tài sản phát sinh hình thành sau khi ly thân/ly hôn nên không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn cũng như

trong hộ gia đình để yêu cầu chia công sức đóng góp theo quy định tại Điều 33 và Điều 59 của luật hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định như trên Toà án có căn cứ, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[4]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[4.1]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án được tính như sau "Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia" dựa vào danh mục án phí, lệ phí (ban hành kèm theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 14/12/2016) được tính như sau:

Bà Lê Thị L được chia 05 chỉ vàng 24k +10% giá trị công sức đóng góp nên bà Lâu chịu án phí đối với số tiền này tương đương (38.500.000 đồng + 42.000.000 đồng x 5% = 4.025.000 đồng).

Ông Võ Hồng Ph phải chịu án với số vàng 05 chỉ 24k tương đương 38.500.000 đồng x 5% = 1.925.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được miễn do đã trên 60 tuổi.

[4.2]. Chi phí tố tụng khác: Toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản nguyên đơn không đề cặp đến, tự nguyện nộp đã nộp xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đối với bị đơn ông Võ Hồng Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn, theo đó bị đơn giao trả cho nguyên đơn số tiền 38.500.000 đồng (tương đương giá trị 05 chỉ vàng 24k)

3. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm trả lại 10% giá trị công sức đóng góp giá trị căn nhà tương đương số tiền 42.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận chia công sức đóng góp đối với giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất 17.464m^2.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

5.1 Về án phí sơ thẩm:

- Buộc nguyên đơn bà Lê Thị L phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 4.025.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Lâu đã nộp 8.140.000 đồng theo biên lai thu số 0002877 ngày 06/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền 4.115.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Buộc bị đơn ông Võ Hồng Ph phải nộp án phí sơ thẩm số tiền là 1.925.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Nh được miễn nộp án phí.

5.2 Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã tự nguyện nộp xong toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/08/2024).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp